

Nghiên cứu nguyên bản

KHẢO SÁT TÂM LÝ NGƯỜI BỆNH TRƯỚC PHẪU THUẬT VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN TẠI BỆNH VIỆN VINMEC ĐÀ NẴNG NĂM 2024

Survey of preoperative anxiety and associated factors among patients at Vinmec Da Nang Hospital in 2024

Nguyễn Thị An^{1,*}, Từ Thị Văn Anh¹, Trần Văn Đông¹

¹ Bệnh viện Vinmec Đà Nẵng, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

*Tác giả liên hệ | Corresponding author: an90.nguyenthi@gmail.com

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả tình trạng tâm lý của người bệnh trước phẫu thuật và phân tích một số yếu tố liên quan tại Bệnh viện Vinmec Đà Nẵng năm 2024. **Phương pháp:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 183 người bệnh có chỉ định phẫu thuật chương trình tại Bệnh viện Vinmec Đà Nẵng từ tháng 4 đến tháng 10 năm 2024. Tâm lý người bệnh trước phẫu thuật được đánh giá bằng thang đo Amsterdam Preoperative Anxiety and Information Scale (APAIS). Số liệu được thu thập thông qua phỏng vấn trực tiếp và phân tích bằng phần mềm SPSS 20.0; các mối liên quan được kiểm định bằng phép Chi bình phương và Fisher's exact test với $p < 0,05$. **Kết quả:** Có 97,3% người bệnh lo lắng trước phẫu thuật, trong đó mức độ trung bình chiếm 61,8% và mức độ cao chiếm 35,5%. Có 96,7% người bệnh có nhu cầu thông tin về phẫu thuật, trong đó nhu cầu thông tin mức độ trung bình và cao là 49,7% và 47%. Các yếu tố liên quan đến lo lắng của người bệnh gồm phương pháp vô cảm và tiến trình phẫu thuật (97,8%), đau sau phẫu thuật (85,2%), tai biến trong phẫu thuật (76,5%) và biến chứng do gây mê (72,1%). Độ tuổi và trình độ học vấn có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với tâm lý người bệnh trước phẫu thuật ($p < 0,05$). **Kết luận:** Người bệnh trước phẫu thuật có tỷ lệ lo lắng và nhu cầu thông tin cao. Việc đánh giá tâm lý và nhu cầu thông tin của người bệnh trước phẫu thuật cần được thực hiện thường quy nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc toàn diện.

Từ khóa: Tâm lý người bệnh, lo lắng trước phẫu thuật, APAIS.

ABSTRACT

Objectives: To describe preoperative anxiety and analyze associated factors among patients at Vinmec Da Nang Hospital in 2024. **Methods:** A cross-sectional descriptive study was conducted on 183 patients scheduled for elective surgery at Vinmec Da Nang Hospital from April to October 2024. Preoperative anxiety and information needs were assessed using the Amsterdam Preoperative Anxiety and Information Scale (APAIS). Data were collected through direct interviews and analyzed using SPSS version 20.0. Associations were examined using the Chi-square test and Fisher's exact test, with a significance level of $p < 0.05$. **Results:** Preoperative anxiety was observed in 97.3% of patients, including 61.8% with moderate anxiety and 35.5% with high anxiety. Information needs were reported by 96.7% of patients, with moderate and high levels accounting for 49.7% and 47.0%, respectively. The main sources of anxiety included anesthesia methods and surgical procedures (97.8%), postoperative pain (85.2%), intraoperative complications (76.5%), and anesthesia-related complications (72.1%). Age and educational level were significantly associated with preoperative anxiety ($p < 0.05$). **Conclusions:** A high prevalence of anxiety and information needs was identified among preoperative patients. Routine

assessment of preoperative anxiety and information needs should be implemented to improve comprehensive patient care.

Keywords: Patient anxiety, preoperative anxiety, APAIS.

Received: 03/03/2026	Accepted: 01/04/2026	Published: 02/06/2026
----------------------	----------------------	-----------------------

©The author. This **open-access** work is licensed under a [CC BY 4.0 License](#)

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phẫu thuật là một can thiệp y khoa phổ biến trong điều trị, tuy nhiên đây cũng là một sự kiện khiến người bệnh đối mặt với những trạng thái tâm lý bao gồm sợ hãi và lo lắng về gây mê, đau, quá trình hồi phục và biến chứng tiềm ẩn trong thời gian chờ phẫu thuật. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng lo lắng không chỉ ảnh hưởng đến cảm xúc mà còn tác động đến các đáp ứng sinh lý như tăng độ nhạy cảm, giảm ngưỡng đau¹ dẫn đến tăng liều thuốc gây mê,² kéo dài thời gian nằm viện, phản ứng nhận thức và hành vi quá mức.³

Trên thế giới đã ghi nhận tỷ lệ lo lắng trước phẫu thuật dao động từ 17% đến 89%.⁴ Tại Việt Nam, tâm lý lo lắng trước phẫu thuật dao động từ 64% đến 100%, cụ thể: Nghiên cứu của Nguyễn Thị Phương năm 2023 tại Hà Đông cho thấy tỷ lệ lo âu trước phẫu thuật của người bệnh là 68%.⁵ Nghiên cứu của Nguyễn Hồng Thiệp cho thấy 100% người bệnh phẫu thuật ung thư trực tràng có lo âu trước mổ.⁶ Lo lắng thường xuất phát từ sự thiếu hiểu biết về phương pháp vô cảm, tiến trình phẫu thuật, nguy cơ tai biến, đau sau mổ cũng như những lo ngại liên quan đến kết quả điều trị. Việc không được cung cấp đầy đủ và phù hợp thông tin trước phẫu thuật có thể làm gia tăng mức độ lo lắng và giảm sự hợp tác của người bệnh. Những kết quả này cho thấy việc đánh giá tâm lý người bệnh trước phẫu thuật là cần thiết nhằm góp phần nâng cao

chất lượng chăm sóc toàn diện. Thang đo Amsterdam Preoperative Anxiety and Information Scale (APAIS) là một công cụ ngắn gọn, dễ áp dụng, được sử dụng rộng rãi để đánh giá mức độ lo lắng và nhu cầu thông tin của người bệnh trước phẫu thuật. Việc ứng dụng APAIS trong thực hành lâm sàng giúp nhân viên y tế nhanh chóng nhận diện những người bệnh có lo lắng cao để kịp thời tư vấn và hỗ trợ tâm lý.

Bệnh viện Vinmec Đà Nẵng là bệnh viện đa khoa với hàng nghìn ca phẫu thuật chương trình hằng năm ở nhiều chuyên khoa khác nhau. Tuy nhiên, hiện nay chưa có nghiên cứu nào đánh giá đồng thời mức độ lo lắng và nhu cầu thông tin của người bệnh trước phẫu thuật bằng công cụ chuẩn hóa như thang đo APAIS cũng như chưa thực hiện đánh giá các yếu tố liên quan đến tâm lý người bệnh trong bối cảnh thực hành lâm sàng một cách hệ thống tại bệnh viện. Vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục tiêu:

1. Mô tả tình trạng tâm lý của người bệnh trước phẫu thuật tại bệnh viện năm 2024.
2. Phân tích một số yếu tố liên quan đến tâm lý người bệnh trước phẫu thuật.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu

Tiêu chuẩn lựa chọn:

- Người bệnh có chỉ định phẫu thuật chương trình đủ 18 tuổi trở lên.

- Đồng ý tham gia nghiên cứu tại Bệnh viện Vinmec Đà Nẵng.

Tiêu chuẩn loại trừ:

- Người bệnh không có khả năng giao tiếp bằng tiếng Việt (người nước ngoài, người bệnh hôn mê hoặc người bệnh tâm thần).

2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

- Thời gian: Từ tháng 4 đến tháng 10 năm 2024

- Địa điểm: Khoa Gây mê phòng mổ tại Bệnh viện Vinmec Đà Nẵng.

3. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu.

Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

Cỡ mẫu: Áp dụng công thức tính cỡ mẫu cho việc ước lượng một tỷ lệ trong quần thể:

$$n = Z_{1-\frac{\alpha}{2}}^2 \times \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

n: cỡ mẫu tối thiểu α : mức ý nghĩa thống kê (Chọn $\alpha = 0,05$ ứng với độ tin cậy 95%, ta có $Z_{1-\frac{\alpha}{2}} = 1,96$).

p: tỷ lệ người bệnh có lo lắng trước phẫu thuật 13,3% được tham khảo từ nghiên cứu của Lê Thị Hằng năm 2023 nhằm ước lượng cỡ mẫu cho biến nghiên cứu chính ($p = 0,133$).⁷

d: là sai số mong muốn hoặc sai số cho phép ($d = 0,05$).

Áp dụng công thức ta tính được cỡ mẫu là 177.

Phương pháp chọn mẫu: chọn mẫu thuận tiện. Trong thời gian nghiên cứu, người bệnh thỏa mãn các tiêu chí lựa chọn và đồng ý tham gia nghiên cứu được tuyển chọn cho đến khi

đạt cỡ mẫu mong muốn.

Cỡ mẫu thực tế thu thập được: 183 mẫu.

Công cụ thu thập số liệu. Bộ câu hỏi được thiết lập dựa trên bộ câu hỏi của nghiên cứu khảo sát mức độ lo âu và một số yếu tố liên quan của người bệnh trước phẫu thuật dạ dày tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức năm 2020⁸ và thang đo mức độ lo lắng và nhu cầu thông tin của người bệnh trước phẫu thuật APAIS.⁹

Thu thập số liệu bằng cách sử dụng bảng câu hỏi gồm: Phần A – Thông tin chung (11 câu hỏi), phần B – thông tin về bệnh lý (6 câu hỏi), phần C – thang đo đánh giá mức độ lo lắng và nhu cầu thông tin (6 câu hỏi), phần D – câu hỏi đánh giá các vấn đề lo âu (11 câu).

Sử dụng thang đo mức độ lo lắng và nhu cầu thông tin của đối tượng nghiên cứu trước phẫu thuật APAIS gồm 6 câu hỏi, đánh giá mức độ lo lắng trước phẫu thuật liên quan đến phương pháp vô cảm và tiến trình phẫu thuật (4 câu) và nhu cầu thông tin (2 câu). Mỗi câu hỏi được chấm điểm theo thang Likert 5 mức độ (từ 1: hoàn toàn không đồng ý đến 5: hoàn toàn đồng ý).

Cụ thể:

Câu C18, C19: đánh giá mức độ lo lắng của đối tượng nghiên cứu về phương pháp vô cảm. Trong đó: 2 – 4 điểm: không lo lắng; 5 – 7 điểm: mức độ lo lắng trung bình; 8 – 10 điểm: mức độ lo lắng cao.

Câu C21, C22: đánh giá mức độ lo lắng của đối tượng nghiên cứu về cuộc phẫu thuật. Trong đó: 2 – 4 điểm: không lo lắng; 5 – 7 điểm: mức độ lo lắng trung bình; 8 – 10 điểm: mức độ lo lắng cao.

Câu C18, C19, C21, C22: đánh giá tâm lý của đối tượng nghiên cứu. Điểm ≥ 11 : lo lắng.

Tổng điểm nhu cầu thông tin được tính tổng điểm của 2 câu C20 và C23. Trong đó: 2 – 4 điểm: không hoặc có nhu cầu thông tin thấp; 5 – 7 điểm: nhu cầu thông tin trung bình; 8 – 10 điểm: nhu cầu thông tin cao.

Độ tin cậy của thang đo APAIS trong nghiên cứu được đánh giá bằng hệ số Cronbach's alpha với $\alpha = 0,834$.

Quy trình thu thập số liệu.

Người bệnh được giải thích mục tiêu và nội dung nghiên cứu sau khi khám tiền mê. Những người đồng ý tham gia sẽ được phỏng vấn trực tiếp bằng bộ câu hỏi đã chuẩn bị. Quá trình thu thập số liệu được thực hiện bởi nghiên cứu viên đã được tập huấn nhằm đảm bảo tính thống nhất.

4. Xử lý số liệu

Số liệu được mã hóa, làm sạch và phân tích

bằng phần mềm SPSS 20.0. Phân tích mô tả được thực hiện nhằm trình bày đặc điểm của đối tượng nghiên cứu thông qua tỷ lệ và giá trị trung bình. Các mối liên quan giữa đặc điểm tâm lý và các yếu tố liên quan được phân tích bằng phép kiểm Chi bình phương và Fisher's exact test. Ngưỡng ý nghĩa thống kê được xác định với $p < 0,05$.

Biến độc lập: Yếu tố thuộc về đặc điểm nhân khẩu học, hoàn cảnh gia đình và đặc điểm bệnh lý của đối tượng nghiên cứu.

Biến phụ thuộc: tình trạng lo lắng của đối tượng nghiên cứu.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm nhân khẩu học của đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm chung		Tần số (n =183)	Tỷ lệ (%)
Độ tuổi	20-39	150	81,9
	40-59	19	10,4
	≥ 60	14	7,7
Giới tính	Nam	21	11,5
	Nữ	162	88,5
Trình độ học vấn	Từ THPT trở xuống	20	11
	Trung cấp/cao đẳng	89	48,6
	Đại học/sau đại học	74	40,4
Nghề nghiệp	Nội trợ	13	7,1
	Lao động tự do	45	24,6
	Kinh doanh	55	30,1
	Công nhân	16	8,7
	Cán bộ/viên chức	35	19,1
	Hưu trí	6	3,3

Đặc điểm chung		Tần số (n =183)	Tỷ lệ (%)
Khác		13	7,1
Tình trạng bảo hiểm	Không có bảo hiểm	3	1,6
	Có BHYT	65	35,5
	Có bảo hiểm tư nhân	76	41,5
	Có cả BHYT và bảo hiểm tư nhân	39	21,3

Nhận xét bảng 1: 81,9% Đối tượng nghiên cứu ở độ tuổi 20-39, nữ giới chiếm 88,5% và 89% đối tượng có học vấn từ trung cấp trở lên.

Nhận xét bảng 2: 91,3% đối tượng nghiên cứu

sinh sống tại khu vực thành thị, 89,1% đã kết hôn, 95,1% đang sinh sống cùng người thân và 100% có mức kinh tế gia đình trung bình trở lên.

Bảng 2. Đặc điểm hoàn cảnh gia đình của đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm chung		Tần số (n =183)	Tỷ lệ (%)
Khu vực sinh sống	Thành thị	167	91,3
	Nông thôn	16	8,7
Tình trạng hôn nhân	Độc thân	13	7,1
	Kết hôn (đang sống cùng vợ/chồng)	163	89,1
	Ly dị/ly thân	3	1,6
	Góa	4	2,2
Hoàn cảnh sống	Sống một mình	9	4,9
	Sống cùng người thân	174	95,1
Số người thân chăm sóc	Không có	9	4,9
	1 người	104	56,8
	≥ 2 người	70	38,3
Mức độ phụ thuộc kinh tế	Không phụ thuộc	59	32,2
	Phụ thuộc 1 phần	106	57,9
	Phụ thuộc hoàn toàn	18	9,8
Kinh tế gia đình	Trung bình	107	58,5
	Khá giả	72	39,3
	Giàu có	4	2,2

Bảng 3. Đặc điểm bệnh lý của đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm		Tần số (n =183)	Tỷ lệ (%)
Khoa điều trị	Khoa Sản	140	76,5
	Khoa Ngoại	43	23,5
Bệnh kèm	Không	133	72,7
	Có	50	27,3
Phương pháp vô cảm dự kiến	Không rõ	3	1,6
	Gây mê	19	10,4
	Gây tê	161	88,0
Phương pháp phẫu thuật dự kiến	Không rõ	5	2,7
	Mổ hở/mổ mở	156	85,2
	Mổ nội soi	22	12,0
Số lần phẫu thuật trước đây	Không có	40	21,9
	1 lần	120	65,6
	≥ 2 lần	23	12,6

Nhận xét bảng 3: 76,5% đối tượng điều trị tại khoa Sản, 72,7% không có bệnh kèm và 88% được chỉ định gây tê với phương pháp mổ mở chiếm 85,2% và đã từng trải qua phẫu thuật ít nhất 1 lần chiếm 78,2%.

2. Đặc điểm tâm lý người bệnh trước phẫu thuật

Nhận xét bảng 4: 97,3% đối tượng nghiên cứu có biểu hiện lo lắng và 96,7% có nhu cầu thông tin về cuộc phẫu thuật. 97,8% đối tượng nghiên cứu đều lo lắng về phương pháp vô cảm và tiến trình phẫu thuật. Trong đó, lo lắng trung bình chiếm tỷ lệ cao nhất với 61,8%.

Bảng 4. Tỷ lệ đối tượng nghiên cứu có tâm lý lo lắng và có nhu cầu thông tin trước phẫu thuật

Đặc điểm	Tần số (n = 183)	Tỷ lệ (%)
Có tâm lý lo lắng	178	97,3
Có nhu cầu thông tin	177	96,7
Mức độ lo lắng của ĐTNC		
Không lo lắng	5	2,7
Lo lắng trung bình	113	61,8
Lo lắng cao	65	35,5
Đặc điểm tâm lý lo lắng của ĐTNC		
Lo lắng về phương pháp vô cảm	179	97,8
Lo lắng về tiến trình phẫu thuật	179	97,8

Bảng 5. Đặc điểm và mức độ nhu cầu thông tin trước phẫu thuật của đối tượng nghiên cứu

Nhu cầu thông tin	Số lượng (n=183)	Tỷ lệ (%)
Không có nhu cầu	6	3,3
Nhu cầu thông tin trung bình	91	49,7
Nhu cầu thông tin cao	86	47,0
Nhu cầu thông tin về phương pháp vô cảm	104	56,9
Nhu cầu thông tin về tiến trình phẫu thuật	125	68,3

Nhận xét bảng 5: 96,7% người bệnh có nhu cầu về thông tin trước phẫu thuật, ở mức độ trung bình là 49,7%, ở mức độ cao là 47,0%.

Trong đó nhu cầu thông tin về phương pháp vô cảm là 56,9%, nhu cầu thông tin về tiến trình phẫu thuật là 68,3%.

Bảng 6. Các vấn đề lo âu của đối tượng nghiên cứu

Vấn đề	Số lượng (n=183)	Tỷ lệ (%)
Đau sau phẫu thuật	156	85,2
Các tai biến trong phẫu thuật	140	76,5
Các biến chứng từ thuốc gây mê	132	72,1
Mùi và tiếng ồn bệnh viện	117	63,9
Môi trường bệnh viện không thoải mái	112	61,2
Thời gian chờ đợi phẫu thuật lâu	108	59,0
Không tỉnh sau gây mê/phẫu thuật	107	58,5
Phẫu thuật có khả năng bị hoãn lại	73	39,9
Không có thu nhập vì nằm viện	68	37,2
Không nhận được sự quan tâm đầy đủ từ người thân	64	35,0
Không đủ khả năng chi trả viện phí	52	28,4

Nhận xét bảng 6: Những vấn đề gây lo âu thường gặp của đối tượng nghiên cứu là đau sau phẫu thuật (85,2%), các tai biến trong phẫu thuật (76,5%), các biến chứng từ thuốc gây mê (72,1%).

3. Các yếu tố liên quan đến tâm lý trước phẫu thuật

Nhận xét bảng 7: Phân tích mối liên quan cho thấy độ tuổi và trình độ học vấn có liên quan có ý nghĩa thống kê với tâm lý người bệnh trước phẫu thuật ($p < 0,05$). Các yếu tố khác như phương pháp phẫu thuật dự kiến, phương pháp vô cảm và tiền sử phẫu thuật chưa ghi nhận mối liên quan có ý nghĩa thống kê.

Bảng 7: Các yếu tố liên quan đến tâm lý trước phẫu thuật của đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm	Tâm lý				p (Fisher's Exact Test)
	Lo lắng		Không lo lắng		
	N	%	N	%	
Độ tuổi					
20-39 tuổi	146	97,3	4	2,7	
40-59 tuổi	16	84,2	3	15,8	0,043
≥ 60 tuổi	14	100,0	0	0,0	
Trình độ học vấn					
Từ THPT trở xuống	20	100	0	0,0	
Trung cấp/cao đẳng	89	100	0	0,0	0,006
Đại học/sau đại học	67	90,5	7	9,5	
Khu vực sinh sống					
Thành thị	161	96,4	6	3,6	
Nông thôn	15	93,8	1	6,2	0,479
Tình trạng hôn nhân					
Độc thân	13	100	0	0,0	
Kết hôn (đang sống cùng vợ/chồng)	157	96,3	6	3,7	0,229
Ly dị/ly thân	2	66,7	1	33,3	
Góa	4	100	0	0,0	
Hoàn cảnh sống					
Sống một mình	8	88,9	1	11,1	
Sống cùng người thân	168	96,6	6	3,4	0,302
Số người thân chăm sóc					
Không có	8	88,9	1	11,1	
1 người	101	97,1	3	2,9	0,302
≥ 2 người	67	95,7	3	4,3	
Mức độ phụ thuộc kinh tế					
Không phụ thuộc	54	91,5	5	8,5	
Phụ thuộc 1 phần	104	98,1	2	1,9	0,120
Phụ thuộc hoàn toàn	18	100	0	0,0	
Kinh tế gia đình					
Trung bình	102	95,3	5	4,7	
Khá giả	71	98,6	1	1,4	0,100
Giàu có	3	75,0	1	25,0	
Bệnh kèm					

Đặc điểm	Tâm lý				p (Fisher's Exact Test)
	Lo lắng		Không lo lắng		
	N	%	N	%	
Không có	126	94,7	7	5,3	0,192
Có	50	100	0	0,0	
Phương pháp vô cảm dự kiến					
Không rõ	3	100	0	0,0	0,599
Gây mê	18	94,7	1	5,3	
Gây tê	155	96,3	6	3,7	
Phương pháp phẫu thuật dự kiến					
Không rõ	5	100	0	0,0	1,000
Mổ hở/mổ mở	150	96,2	6	3,8	
Mổ nội soi	21	95,5	1	4,5	
Số lần phẫu thuật trước đây					
Không có	38	95,0	2	5,0	0,733
1 lần	116	96,7	4	3,3	
≥ 2 lần	22	95,7	1	4,3	

IV. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ đối tượng nghiên cứu có tâm lý lo lắng chiếm rất cao với 97,3%, trong đó mức độ lo lắng cao chiếm 35,5% tương đồng với nghiên cứu của Aust thực hiện năm 2018 tại Đức (tỷ lệ lo lắng trước phẫu thuật là 92,6% và mức độ lo lắng cao là 40,5%),¹⁰ cao hơn nhiều so với nghiên cứu của Shawwahna năm 2023 tại Palestin (51,4%).¹¹ So sánh kết quả với một số nghiên cứu tại Việt Nam, tỷ lệ lo lắng của các đối tượng nghiên cứu cao hơn so với các tác giả Nguyễn Thị Phương năm 2023 (68%),¹² Lê Thị Hằng năm 2023 (13,3%)⁷ và Phạm Thị Loan năm 2024 (66,2%).¹³ Sự khác biệt có thể được giải thích bởi việc sử dụng thang đo đánh giá tâm lý khác nhau giữa các nghiên cứu. Việc sử dụng thang đo APAIS với độ nhạy cao trong phát hiện lo lắng trước phẫu thuật có thể góp phần làm tăng

tỷ lệ ghi nhận so với các nghiên cứu sử dụng công cụ khác. Bên cạnh đó, đặc điểm của đối tượng trong nghiên cứu của chúng tôi chủ yếu là nữ giới, tập trung nhiều ở chuyên khoa Sản trong độ tuổi 20-39, là nhóm có xu hướng nhạy cảm hơn về mặt tâm lý trước phẫu thuật. Đối tượng trong nghiên cứu là người bệnh có phẫu thuật theo chương trình nên thời gian chờ đợi cuộc phẫu thuật cũng làm gia tăng mối quan tâm và lo lắng về cuộc mổ và các nguy cơ liên quan. Những kết quả này cho thấy lo lắng trước phẫu thuật là một vấn đề phổ biến cần được quan tâm ở người bệnh phẫu thuật.

Về đặc điểm nhu cầu thông tin, có 96,7% đối tượng có nhu cầu thông tin về cuộc phẫu thuật, trong đó nhu cầu thông tin trung bình chiếm 49,7%, nhu cầu thông tin cao chiếm 47%. Tỷ lệ nhu cầu thông tin cao hơn so với nghiên cứu của Abutiheen năm 2021 tại Iraq (44,2%), trong

đó mức độ nhu cầu thông tin cao và trung bình cao hơn (47% so với 6,7% và 49,7% so với 37,5%).¹⁴ Nhu cầu thông tin về phương pháp vô cảm chiếm 56,9%, nhu cầu thông tin về tiến trình phẫu thuật chiếm 68,3%. Kết quả này cho thấy người bệnh quan tâm nhiều hơn đến quá trình thực hiện phẫu thuật và các vấn đề liên quan trực tiếp đến kết quả điều trị. Đối với các nghiên cứu trong nước chưa có nghiên cứu đề cập đến nhu cầu thông tin về phương pháp vô cảm của người bệnh. Nhu cầu thông tin về phương pháp phẫu thuật của nghiên cứu này thấp hơn so với nghiên cứu của Hoàng Đức Đức (68,3% so với 78,9%).¹⁵ Sự khác biệt này có thể do đặc điểm đối tượng nghiên cứu và cách tiếp cận, tư vấn thông tin cho người bệnh có sự sai khác giữa các cơ sở y tế. Tổng điểm APAIS trung bình về nhu cầu thông tin của đối tượng trong nghiên cứu là $7,3 \pm 1,14$, cao hơn so với tổng điểm APAIS trung bình về nhu cầu thông tin trong nghiên cứu của Shawahna ($1,6 \pm 0,50$).¹¹ Mức độ nhu cầu thông tin cao có liên quan đến đặc điểm đối tượng nghiên cứu có trình độ học vấn với 89% đối tượng có trình độ từ trung cấp/cao đẳng trở lên, dẫn đến nhu cầu tìm hiểu và tiếp nhận thông tin nhiều hơn. Thêm vào đó, việc thu thập số liệu bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp của nghiên cứu cũng có thể góp phần làm tăng mức độ nhu cầu thông tin được ghi nhận. Hiện nay, các nghiên cứu trong nước còn ít đề cập đến nhu cầu thông tin về phương pháp vô cảm của người bệnh trước phẫu thuật. Do đó, kết quả của nghiên cứu này góp phần bổ sung thêm bằng chứng về nhu cầu thông tin của người bệnh trong thực thành lâm sàng, đặc biệt trong lĩnh vực gây mê hồi sức. Việc sử dụng thang đo

APAIS giúp đánh giá tập trung vào tâm lý lo lắng liên quan đến hai vấn đề chính là phương pháp vô cảm và tiến trình phẫu thuật tại thời điểm đánh giá, nghiên cứu còn khảo sát một số vấn đề xung quanh quá trình nằm viện có thể ảnh hưởng đến tâm lý người bệnh như sợ đau sau phẫu thuật 85,2%, các tai biến trong phẫu thuật chiếm 76,5%, các biến chứng từ thuốc gây mê chiếm 72,1%. Các tỷ lệ này thấp hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Hồng Thiệp (đau sau phẫu thuật 100%, tai biến trong phẫu thuật 87,8% và biến chứng từ thuốc mê 89,8%).⁶ So sánh các tỷ lệ này với nghiên cứu của Nguyễn Thị Phương, tỷ lệ sợ đau sau phẫu thuật tương đồng với 85,3% và cao hơn tỷ lệ của các vấn đề sợ tai biến trong phẫu thuật (53,2%), biến chứng từ thuốc mê (45,8%).¹²

Tìm hiểu mối liên quan giữa các yếu tố đặc điểm nhân khẩu học, hoàn cảnh gia đình và đặc điểm bệnh lý với tâm lý người bệnh trước phẫu thuật chỉ ra có mối liên quan có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$) với độ tuổi và trình độ học vấn, tương đồng với kết quả nghiên cứu của Phạm Thị Hoàng Yến,¹⁶ Phạm Thị Thu Hương¹³ và Nguyễn Thị Phương.¹² Mối liên quan giữa độ tuổi, trình độ học vấn và tâm lý lo lắng cho thấy cần có các biện pháp tư vấn phù hợp với từng nhóm đối tượng. Việc sử dụng thang đo APAIS giúp nhân viên y tế nhanh chóng nhận diện người bệnh có lo lắng cao để can thiệp kịp thời.

Nghiên cứu sử dụng thiết kế cắt ngang nên không thể xác định được mối quan hệ nhân quả giữa các yếu tố liên quan và tính trạng lo lắng trước phẫu thuật của người bệnh. Bên cạnh đó, nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện có thể dẫn đến sai lệch chọn mẫu, làm hạn chế tính đại diện của mẫu nghiên cứu.

Đối tượng nghiên cứu tập trung chủ yếu ở khoa sản của bệnh viện (76,5%), do đó kết quả có thể chưa phản ánh đầy đủ đặc điểm của toàn bộ người bệnh phẫu thuật. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập thông qua phỏng vấn trực tiếp nên có thể chịu ảnh hưởng của sai số thông tin và thiên lệch do người trả lời. Ngoài ra, nghiên cứu chưa xem xét đầy đủ một số yếu tố tâm lý – xã hội khác có thể ảnh hưởng đến mức độ lo lắng của người bệnh.

V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu tại Bệnh viện Vinmec Đà Nẵng cho thấy 97,8% người bệnh trước phẫu thuật có tâm lý lo lắng. Tâm lý lo lắng mức độ cao là 35,5%. Lo lắng về phương pháp vô cảm và tiến trình phẫu thuật có tỷ lệ là 97,8%, nhu cầu thông tin về cuộc phẫu thuật 96,7%. Các yếu tố có mối liên quan đến tâm lý người bệnh gồm đau sau phẫu thuật, tai biến trong phẫu thuật và các biến chứng từ thuốc gây mê. Độ tuổi và trình độ học vấn là những yếu tố liên quan có ý nghĩa thống kê với tâm lý trước phẫu thuật.

VI. KIẾN NGHỊ

Cần đưa việc đánh giá tâm lý người bệnh trước phẫu thuật vào quy trình chăm sóc thường quy, đồng thời tăng cường tư vấn và cung cấp thông tin phù hợp nhằm giảm lo lắng và nâng cao chất lượng chăm sóc toàn diện.

TUYÊN BỐ CỦA TÁC GIẢ

Đạo đức nghiên cứu:

Nghiên cứu được sự chấp thuận của Hội đồng Đạo đức Bệnh viện Vinmec Đà Nẵng. Nghiên cứu tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu y sinh học theo Tuyên bố Helsinki. Tất cả đối tượng tự nguyện tham gia nghiên cứu, được giải thích đầy đủ và có quyền

rút lui bất cứ lúc nào. Thông tin cá nhân của người bệnh được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

Nguồn tài trợ:

Nghiên cứu không nhận bất kỳ nguồn tài trợ nào.

Xung đột lợi ích:

Các tác giả cam kết không có xung đột lợi ích liên quan đến nghiên cứu này.

Công bố trước đó:

Không

TÀI LIỆU THAM KHẢO

23. Tan H, Wei J, Li S, et al. Pain threshold, anxiety and other factors affect intensity of postoperative pain in gastric cancer patients: A prospective cohort study. *Chin J Cancer Res.* Jun 30 2021;33(3):343-351. [DOI:10.21147/j.issn.1000-9604.2021.03.06](https://doi.org/10.21147/j.issn.1000-9604.2021.03.06).
24. Baagil H, Baagil H, Gerbershagen MU. Preoperative Anxiety Impact on Anesthetic and Analgesic Use. *Medicina.* 2023;59(12):2069. [DOI:10.3390/medicina59122069](https://doi.org/10.3390/medicina59122069).
25. Hanalis-Miller T, Nudelman G, Ben-Eliyahu S, Jacoby R. The Effect of Preoperative Psychological Interventions on Psychological, Physiological, and Immunological Indices in Oncology Patients: A Scoping Review. *Front Psychol.* 2022;13:839065. [DOI:10.3389/fpsyg.2022.839065](https://doi.org/10.3389/fpsyg.2022.839065).
26. Oteri V, Martinelli A, Crivellaro E, Gigli F. The impact of preoperative anxiety on patients undergoing brain surgery: a systematic review. *Neurosurg Rev.* Dec 2021;44(6):3047-3057. [DOI:10.1007/s10143-021-01498-1](https://doi.org/10.1007/s10143-021-01498-1).
27. Nguyễn TP. Khảo sát mức độ lo âu của người bệnh trước phẫu thuật tại Bệnh viện Đa

- khoa Hà Đông năm 2023. *Tạp chí Y học Thẩm hoạ và Bông*. 07/21 2023;(3):54-65. [DOI:10.54804/yhthvb.3.2023.235](https://doi.org/10.54804/yhthvb.3.2023.235).
28. Nguyen HT, Le DH, Tran NT, et al. Anxiety level to colorectal cancer patients before surgery and some related factors. *Cantho Journal of Medicine and Pharmacy*. 06/12 2023;(45):8-13.
29. Lê TH, Đào VD. Thực trạng trầm cảm của người bệnh trước và sau phẫu thuật tại bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec Times City năm 2022 và một số yếu tố liên quan. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 04/12 2023;525(1A). [DOI:10.51298/vmj.v525i1A.4978](https://doi.org/10.51298/vmj.v525i1A.4978).
30. Thư NT. *Khảo sát mức độ lo âu và một số yếu tố liên quan của người bệnh trước phẫu thuật dạ dày tại bệnh viện Hữu nghị Việt Đức*. Luận văn Thạc sĩ điều dưỡng. Trường Đại học Y Hà Nội; 2020.
31. Moerman N, Van Dam F, Muller MJ, Oosting H. The Amsterdam Preoperative Anxiety and Information Scale (APAIS). *Anesthesia & Analgesia*. 1996;82:445-451. DOI: [10.1097/00000539-199603000-00002](https://doi.org/10.1097/00000539-199603000-00002).
32. Aust H, Eberhart L, Sturm T, et al. A cross-sectional study on preoperative anxiety in adults. *J Psychosom Res*. Aug 2018;111:133-139. [DOI:10.1016/j.jpsychores.2018.05.012](https://doi.org/10.1016/j.jpsychores.2018.05.012).
33. Shawahna R, Jaber M, Maqboul I, et al. Prevalence of preoperative anxiety among hospitalized patients in a developing country: a study of associated factors. *Perioper Med (Lond)*. Aug 24 2023;12(1):47. [DOI:10.1186/s13741-023-00336-w](https://doi.org/10.1186/s13741-023-00336-w).
34. Phương NT. Khảo sát mức độ lo âu của người bệnh trước phẫu thuật tại Bệnh viện Đa khoa Hà Đông năm 2023. *Tạp chí Y học Thẩm hoạ và Bông*. 07/21 2023;(3):54-65. [DOI:10.54804/yhthvb.3.2023.235](https://doi.org/10.54804/yhthvb.3.2023.235).
35. Hương PTT, Lương TN, Phi TTH, Anh MTL. Preoperative anxiety and psychological support needs among patients with thyroid surgery in Vietnam. *Tạp chí Khoa học Điều dưỡng*. 01/02 2023;6(01):58-68. [DOI:10.54436/jns.2023.01.588](https://doi.org/10.54436/jns.2023.01.588).
36. Abutiheen A, Khudhair E, Dakhal H. Preoperative Anxiety among Adult Patients Subjected to Elective Surgery in Karbala. *Clinical Schizophrenia & Related Psychoses*. 09/01 2021;15:2021. [DOI:10.3371/CSRP.AAES.12.08.21](https://doi.org/10.3371/CSRP.AAES.12.08.21).
37. Đức HĐ, Chung NV, Tiến NV. Thực trạng tâm lý người bệnh trước phẫu thuật tại Khoa Tai - Mũi - Họng, bệnh viện Quân y 110. *Tạp chí Y dược lâm sàng 108*. 2020;Tập 15(9/11-2020):7.
38. Thị Hoàng Yến P, Thị Minh Hà N. Khảo sát tâm lý người bệnh trước phẫu thuật có kế hoạch tại khoa Gây mê hồi sức - bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình năm 2021. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 07/17 2022;516(1). [DOI:10.51298/vmj.v516i1.2999](https://doi.org/10.51298/vmj.v516i1.2999).